| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 39/2012/NQ-HĐND | *Kon Tum, ngày 13 tháng 12 năm 2012* |

# NGHỊ QUYẾT
## Về mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Kon Tum

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
## KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 16/3/2012 của liên bộ Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 09/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc đề nghị ban hành mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Kon Tum; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Kon Tum *(có phụ lục kèm theo)*.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Hà Ban**

**PHỤ LỤC**
**MỨC CHI BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH**
*(Kèm theo Nghị quyết số 39/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| TT | Đối tượng áp dụng | Đơn vị tính | Mức chi bồi dưỡng (đồng) |
|---|---|---|---|
| 1 | Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân cấp tỉnh, huyện, xã, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh *(đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP)*; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền mời, triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân *(đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP).* | | |
| a) | Trường hợp chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra, khi trực tiếp tham gia công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân | Ngày/người | 100.000 |
| b) | Trường hợp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra, khi trực tiếp tham gia công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân | Ngày/người | 80.000 |
| 2 | Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan và chiến sỹ trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp làm nhiệm vụ tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân *(đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP)* | Ngày/người | 50.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 3 | Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh *(đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP)* | Ngày/người | 50.000 |